PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT VIỆT NAM

Dựa trên xu hướng mới nhất của giáo dục đặc biệt Hàn Quốc

TS. Kim Sam Sung

Chuyên gia tư vấn về giáo dục đặc biệt (Angels' Haven)

1. LỜI NÓI ĐẦU

Giáo dục đặc biệt của Việt Nam vốn có lịch sử lâu đời và đang từng bước trên đà phát triển. Năm 2010, Quốc hội Việt Nam đã ban hành Luật Người khuyết tật nhằm thiết lập một hệ thống hỗ trợ cho giáo dục đặc biệt về phương diện chính sách quốc gia. Việt Nam đang nỗ lực để cung cấp hệ thống hỗ trợ cụ thể và các dịch vụ liên quan giáo dục đặc biệt như giáo dục hòa nhập, giáo dục trị liệu, giáo dục nghề nghiệp. Ngoài ra Việt Nam cũng đang tăng cường mở rộng mối quan hệ hợp tác quốc tế và phát triển chính sách để đáp ứng nhu cầu thời đại và xã hội. Tuy nhiên, ngoài những nỗ lực này, giáo dục đặc biệt của Việt Nam vẫn cần mở rộng thêm cơ hội giáo dục và chính sách phúc lợi cho những học sinh khuyết tật chưa được thụ hưởng để trẻ em khuyết tật có được điều kiện giáo dục bình đẳng trên quy mô toàn quốc. Đồng thời, sự can thiệp tích cực và chủ động trên phương diện quốc gia cùng với sự đầu tư tập trung cho lĩnh vực giáo dục đặc biệt cũng là một yêu tố quan trọng. Và Trung tâm giáo dục đặc biệt quốc gia (NCSE), với vai trò là một cơ quan chính yếu về phát triển giáo dục đặc biệt, cần có thêm nhiều sự hỗ trợ về nhân lực, tài chính để có thể nâng cao hơn nữa vai trò của mình. Mong rằng sau này, NCSE sẽ có thêm nhiều đề tài nghiên cứu, đồng thời phát triển được chương trình giáo dục và sách giáo khoa cho học sinh khuyết tật tập trung vào ứng dụng thực tế, phù hợp với đặc điểm của học sinh.

Ở Hàn Quốc, Viện giáo dục đặc biệt quốc gia Hàn Quốc (NISE) là đơn vị đóng vai trò chủ chốt và thực chất trong lĩnh vực giáo dục đặc biệt của cả nước, thực hiện các chức năng sau: nghiên cứu cải tiến nội dung, phương pháp, hệ thống hỗ trợ về giáo dục đặc biệt, tập huấn giáo viên giáo dục đặc biệt, nghiên cứu, phát triển và phổ cập sách giáo khoa, tài liệu, giáo cụ về giáo dục đặc biệt, lập kế hoạch cho phương án giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề cho học sinh khuyết tật, lập kế hoạch cho phương án giáo dục đại học và cấp cao hơn cho người khuyết tật nhằm mục đích mang lại giáo dục phù hợp cho các học sinh thuộc đối tượng giáo dục đặc biệt. Và NISE cũng đang thực hiện các cuộc khảo sát định kỳ về thực trạng giáo dục đặc biệt với phụ huynh học sinh khuyết tật, quản lý trường học, giáo viên. Sau này, tại Việt Nam cũng cần tăng cường các hỗ trợ về tổ chức, nhân lực, ngân sách cho các cơ quan đơn vị liên quan giáo dục đặc biệt để đáp ứng nhu cầu tăng dần về giáo dục đặc biệt của người khuyết tật. Ngoài ra cũng cần tăng cường các cơ sở giáo dục đặc biệt, giáo viên chuyên biệt, nâng cao số lượng và chất lượng của các trung tâm giáo dục đặc biệt ở từng địa phương. Cần nâng cao chất lượng giáo dục và mở

rộng phạm vi đối tượng giáo dục đặc biệt. Và Trung tâm giáo dục đặc biệt Quốc gia Việt Nam (NCSE) cần phải liên tục nghiên cứu để nâng cao năng lực cốt lõi của tổ chức để trở thành cơ quan dẫn đầu về giáo dục đặc biệt tại Việt Nam. Đề tài nghiên cứu này sẽ đưa ra những phạm trù mà giáo dục đặc biệt của Việt Nam cần nghiên cứu và phát triển trong tương lai, nhằm mục đích phát triển giáo dục đặc biệt của cả Việt Nam và Hàn Quốc thông qua trao đổi thông tin và giao lưu học thuật về giáo dục đặc biệt giữa hai nước. Điều này sẽ hữu ích trong việc thiết lập thứ tự ưu tiên cho các vấn đề tồn đọng lớn hiện nay của giáo dục đặc biệt Việt Nam, và sau này sẽ trở thành một tài liệu tham khảo để củng cố thêm căn cứ chính sách cho giáo dục đặc biệt và các bộ luật liên quan người khuyết tật.

2. PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ TRÊN PHƯƠNG DIỆN QUỐC GIA

2.1. Nâng cao vai trò của nhà nước trong giáo dục đặc biệt.

Ngày nay, ở nhiều quốc gia, trách nhiệm của nhà nước trong lĩnh vực giáo dục đặc biệt đang ngày càng được nhấn mạnh. Trách nhiệm của nhà nước là việc mà nhà nước phải có trách nhiệm về pháp luật, chế độ, đạo đức về giáo dục đặc biệt một cách xác đáng, đồng thời nỗ lực vì sự phát triển của giáo dục đặc biệt. Tức là cần phải thực hiện các vai trò về pháp luật hay đạo đức để giúp cho học sinh khuyết tật được bố trí giáo dục cần thiết theo đúng quy định pháp luật, không bị phân biệt đối xử vì khuyết tật của mình, được hưởng quyền lợi giáo dục bình đẳng giống như tất cả công dân khác. Cần có sự nỗ lực tích cực và đầu tư tập trung của chính phủ nhằm cải thiện điều kiện giáo dục bình đẳng giữa các địa phương, nâng cao tiêu chuẩn giáo dục cho học sinh khuyết tật, phát triển giáo dục đặc biệt về cả lượng và chất. Trên phương diện nhấn mạnh tính trách nhiệm của quốc gia về giáo dục đặc biệt, nhà nước cần phát triển chương trình giáo dục đặc biệt ở cấp quốc gia và ban hành sách giáo khoa theo quy định của nhà nước. Đồng thời, để quản lý chất lượng sách giáo khoa giáo dục đặc biệt một cách hệ thống, cần hiện thực hóa hỗ trợ của chính phủ, về tiêu chuẩn đánh giá, về ngân sách phát triển.

2.2. Nghiên cứu phát triển chương trình giáo dục đặc biệt cấp quốc gia.

Chương trình giáo dục đặc biệt cấp quốc gia nhằm đáp ứng nhu cầu thời đại và xã hội của quốc gia, và cần có sự đầu tư lâu dài về nhân lực chuyên môn và nguồn ngân sách lớn. Bên cạnh việc thiết lập kế hoạch phát triển chương trình giáo dục hoàn thiện và đúng đắn nhằm mang lại sự thành công cho ngành giáo dục đặc biệt, còn cần phải phát triển chương trình giáo dục cấp quốc gia thì tại các trường học mới có thể tổ chức được các hoạt động thực sự có ý nghĩa. Phát triển chương trình giáo dục là các hoạt động tạo ra các văn bản gồm kế hoạch tổng hợp về phương pháp giáo dục, đánh giá giáo dục, vận hành giáo dục nhằm mang lại một hệ thống nội dung giáo dục và mục đích giáo dục đồng thời truyền tải chúng một cách hiệu quả. Cần phải phát triển lấy trọng tâm là các năng lực cần

thiết cho đời sống cộng đồng và hòa nhập xã hội, cần phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện chương trình giáo dục gồm mức độ tiếp thu của giáo viên chuyên biệt về chương trình giáo dục, quan điểm giáo dục và mức độ tham gia của phụ huynh, các cơ quan liên quan ở địa phương để từ đó nghiên cứu phát triển chương trình giáo dục có chất lượng cao. Để có thể tìm ra được cách áp dụng và thực hiện thành công chương trình giáo dục đặc biệt cấp quốc gia, việc đầu tiên cần thực hiện là phải nắm bắt được nhận thức và nhu cầu thực tế về giáo dục. Và dựa trên chương trình giáo dục đặc biệt cấp quốc gia để xây dựng và triển khai chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với tình hình thực tế của từng trường học, nhằm nuôi dưỡng thói quen sinh hoạt cơ bản, năng lực học tập cơ bản và nhân cách đúng đắn cho học sinh khuyết tật thông qua các hoạt động giáo dục.

2.3 Phát triển sách giáo khoa giáo dục đặc biệt cấp quốc gia.

Sách giáo khoa giáo dục đặc biệt cần phản ánh đầy đủ tiêu chuẩn chương trình giáo dục cấp quốc gia, phân tích một cách tổng hợp về thế chế ban hành đáp ứng nhu cầu giáo dục đặc biệt đa dạng, phản ánh đầy đủ tiêu chuẩn của chương trình giáo dục cấp quốc gia, phân tích về đội ngũ nghiên cứu, đội ngũ biên soạn tham gia vào phát triển sách giáo khoa, về độ hài lòng đối với sách giáo khoa lấy học sinh làm trung tâm, để từ đó phát triển ra quy trình giúp nâng cao tính hữu dụng của sách giáo khoa và nâng cao mức độ hài lòng thực chất. Sau khi phát triển được sách giáo khoa dựa theo nghiên cứu phân tích tính phù hợp thực tế của sách giáo khoa giáo dục đặc biệt, cần có các nghiên cứu về phương pháp sử dụng, áp dụng sách giáo khoa một cách chủ động. Đặc biệt, sẽ có những khó khăn nhất định trong việc phát triển một bộ sách giáo khoa đáp ứng tính đa dạng của học sinh đồng thời cũng có những khó khăn phát sinh do giới hạn trong quy định pháp luật và chi phí phát triển. Cần phải phân loại, chi tiết hóa để cân nhắc tiêu chuẩn đánh giá tính phù hợp thực tế của sách giáo khoa nhà nước ban hành thành 5 phạm trù, gồm: tính nhất quán của chương trình giáo dục, tính hệ thống của sách giáo khoa, cấu trúc nội dung của sách giáo khoa, tính chính xác về cách diễn đạt, và hệ thống bên ngoài sách giáo khoa. Để nâng cao tính chính xác và tính thích đáng của hệ thống trong và ngoài sách giáo khoa như các hình ảnh, hình minh họa liên quan mật thiết với việc phát triển sách giáo khoa Việt Nam có chất lượng cao, việc bố trí nhân lực chuyên môn có nhiều kinh nghiệm phát triển sách giáo khoa là một yếu tố hết sức quan trọng, vì vậy cũng cần phải tăng cường hỗ trợ chi phí cho việc phát triển sách giáo khoa.

2.4. Tầm quan trọng của khảo sát định kỳ tình hình thực tế của giáo dục đặc biệt.

Thống kê khảo sát về giáo dục đặc biệt là một tài liệu quan trọng phải biên soạn để thiết lập và thúc đẩy chính sách nhằm đáp ứng sự thay đổi của môi trường giáo dục đặc biệt. Cần phải lập kế hoạch và xúc tiến các khảo sát như: tình hình về đối tượng giáo dục đặc biệt, vận hành chương trình giáo dục, cung cấp dịch vụ liên quan giáo dục đặc biệt, tổ chức hành chính giáo dục đặc biệt, tài chính v.v…Các chuyên gia trong cách lĩnh vực

liên quan đến khảo sát tình hình thực tế giáo dục đặc biệt cần phải trực tiếp tham gia và phân tích chuyên sâu các tài liệu khảo sát, từ đó đưa ra các đề xuất mang tính ứng dụng cao về mặt chính sách. Ngoài ra để nâng cao tính chính xác và mức độ tham gia của khảo sát, cần thành lập ủy ban hợp tác khảo sát để quảng bá và khảo sát thực tế, đồng thời thành lập đội ngũ chuyên gia cùng thảo luận bàn bạc để có được sự hoàn thiện trong mỗi quy trình khảo sát. Sau này khi việc khảo sát tình hình thực tế của giáo dục đặc biệt được triển khai định kỳ, sẽ phải dựa vào những thống kê chính xác để làm các tài liệu cơ sở nhằm xây dựng chính sách giáo dục đặc biệt như kế hoạch bố trí học tập cho học sinh khuyết tật, kế hoạch cung cầu của giáo viên giáo dục đặc biệt v.v.

2.5. Nỗ lực nâng cao nhận thức về người khuyết tật.

Cần phải xóa bỏ thành kiến xã hội và sự phân biệt đối xử đối với người khuyết tật thông qua giáo dục nâng cao nhận thức về người khuyết tật, đảm bảo quyền lợi và sự tham gia xã hội của người khuyết tật, tạo ra một xã hội có sự hòa nhập của người khuyết tật và người không khuyết tật, đây là một việc hết sức quan trọng. Sau này cần phải đưa ra quy định về mặt luật pháp nêu rõ các cơ quan, cá nhân thuộc đối tượng bắt buộc thực hiện giáo dục nâng cao nhận thức về người khuyết tật. Cần phải giáo dục các nội dung như: hiểu về khuyết tật và người khuyết tật, luật và chế độ về nhân quyền của người khuyết tật, tôn trọng tính đa dạng của người khuyết tật, nâng cao nhận thức về năng lực và đóng góp xã hội của người khuyết tật, về các cơ sở vật chất hướng tới người khuyết tật. Cũng cần thực hiện các dự án đào tạo giáo viên chuyên về giáo dục nhận thức về người khuyết tật, đồng thời pháp chế hóa để việc giáo dục nâng cao nhận thức về người khuyết tật được thực hiện theo pháp luật. Vì thế toàn bộ các cơ quan giáo dục cần phải có tính chuyên môn đầy đủ không phân biệt cấp bậc, cần phải chuẩn bị một hệ thống vận hành, quản lý nhằm thực hiện giáo dục một cách phù hợp với tiêu chuẩn luật pháp quy định.

2.6. Ban hành luật giáo dục đặc biệt Việt Nam và bổ sung chính sách

Đề thực hiện Luật người khuyết tật và để các học sinh khuyết tật có được điều kiện giáo dục hiệu quả thực chất tại nơi học tập, các nghị định, thông tư cụ thể cùng với việc bố trí ngân sách cụ thể cần phải được chính sách hóa thành các nội dung bắt buộc nhằm thực hiện một cách hệ thống trên phương diện quốc gia. Thay vì tiếp cận theo phương diện coi người khuyết tật là đối tượng cần thương cảm hay cần ban phát hoặc thực hiện cách ly, bao bọc người khuyết tật dựa theo chính sách hay quan điểm ban phát, cung cấp, nhà nước cần liên tục tăng cường hệ thống luật pháp nhằm đảm bảo "quyền lợi" cho người khuyết tật. Mặc dù Luật người khuyết tật Việt Nam có nêu rõ: người khuyết tật có quyền được hưởng các khoản trợ cấp và chế độ chính sách ưu tiên dựa theo hướng dẫn của chính phủ trung ương, nhưng chưa có điều khoản cụ thể về việc tập huấn định kỳ liên tục nhằm nâng cao chuyên môn cho giáo viên chuyên biệt. Cần đảm bảo sự

tham gia ưu tiên của học sinh khuyết tật và phụ huynh học sinh trong quá trình quyết định chính sách về giáo dục người khuyết tật, đáp ứng nhu cầu chính sách đa dạng của gia đình có học sinh khuyết tật. Cần có quy định rõ ràng về sự ủng hộ về luật pháp đảm bảo giáo dục bắt buộc cho học sinh khuyết tật, về lập kế hoạch giáo dục cá nhân, về hỗ trợ dịch vụ liên quan giáo dục đặc biệt, về các điều khoản ngăn cấm phân biệt đối xử đối với người khuyết tật, để từ đó đảm bảo quyền lợi giáo dục cho học sinh khuyết tật.

Để phát triển giáo dục đặc biệt, cần nâng cao vai trò của nhà nước về giáo dục đặc biệt, Luật giáo dục đặc biệt được ban hành và được ưu tiên áp dụng để có thể mở rộng thành lập nhiều cơ quan giáo dục đặc biệt về giáo dục bắt buộc và giáo dục miễn phí. Khi điều chỉnh, bổ sung chính sách các lĩnh vực cần được coi trọng cân nhắc gồm có: tăng cường trách nhiệm của quốc gia về giáo dục đặc biệt, chuẩn bị căn cứ đảm bảo quyền lợi thực tế cho học sinh thuộc đối tượng giáo dục đặc biệt, mở rộng quy định hỗ trợ nhằm bảo vệ và nâng cao nhân quyền như mở rộng đối tượng cấm phân biệt đối xử, cải thiện điều kiện giáo dục đặc biệt, tăng cường phát hiện sớm học sinh khuyết tật, tăng cường đánh giá chi tiết về khuyết tật, thiết lập hệ thống hỗ trợ giáo dục đặc biệt phù hợp với từng cá nhân, tăng cường hỗ trợ giáo dục lưu động (can thiệp tại chỗ cho các học sinh không học chuyên biệt tập trung), chuẩn bị căn cứ để tăng tiêu chuẩn chất lượng về giáo dục đặc biệt, mở rộng hỗ trợ cho người giám hộ.

3. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN TRÊN PHƯƠNG DIỆN NHÀ TRƯỜNG VÀ GIÁO VIÊN

3.1. Phát triển chương trình giáo dục cấp địa phương và cấp trường.

Chương trình giáo dục cấp trường là chương trình giáo dục được xây dựng và triển khai dựa trên việc phản ánh tình hình thực tế nhà trường, ghi nhận đặc điểm và nhu cầu của học sinh và phụ huynh. Mặc dù việc áp dụng chương trình giáo dục cấp quốc gia cũng là việc quan trọng, nhưng các phương pháp cải tiến sáng tạo dựa trên loại hình chương trình giáo dục đa dạng và đặc điểm khuyết tật của học sinh áp dụng cho trường học và lớp học cũng hết sức quan trọng. Cần thực hiện hệ thống chương trình giáo dục từ cấp quốc gia đến địa phương và trường học, và có sự đồng nhất về phương hướng và chỉ dẫn cơ bản về phát triển chương trình ở mỗi cấp. Chương trình giáo dục cấp địa phương ở Hàn Quốc là nội dung các văn bản hàm chứa mục đích về giáo dục của địa phương đó, và đóng vai trò là cầu nối liên kết giữa chương trình giáo dục cấp quốc gia và chương trình giáo dục cấp trường. Người ta sẽ khảo sát, phân tích các yếu tố như đặc điểm, nhu cầu, nguyện vọng, nền tảng giáo dục, điều kiện của từng tỉnh, thành phố và địa phương; để từ đó điều chỉnh, bổ sung chương trình giáo dục cấp quốc gia dùng chung cho cả nước để phản ánh những yếu tố này vào chương trình giáo dục nhà trường. Từ chương trình giáo dục cấp quốc gia, cần phải đặc biệt nhấn mạnh chuyên môn của giáo viên trong chương trình giáo dục, các trường phải xây dựng và triển khai chương trình giáo dục một cách

sáng tạo, và phải thiết lập một hệ thống để sửa đổi chương trình giáo dục thông qua một quy trình đánh giá khắt khe. Việc xây dựng và triển khai một chương trình giáo dục đồng nhất có thể gây cản trở cho việc giáo dục chuyên biệt hóa, cá nhân hóa, và gây khó khăn cho giáo viên trong việc triển khai các tiết học sáng tạo. Vì vậy, cần phải nâng cao năng lực cho các giáo viên để các giáo viên có thể dựa vào chương trình giáo dục quốc gia đã có để tự thiết kế tiết học, phân tích, tái thiết kế lại sách giáo khoa để phù hợp với học sinh, mang lại tiết học hiệu quả hơn so với chương trình trong sách giáo khoa đưa ra.

3.2. Nâng cao năng lực giáo viên chuyên biệt.

Mỗi học sinh mà giáo viên giảng dạy tại lớp học đều có đặc điểm và có nhu cầu giáo dục khác nhau, vì vậy không thể yêu cầu giáo viên sử dụng chương trình giáo dục đã cho một cách thụ động. Ngược lại, các giáo viên được yêu cầu điều chỉnh lại chương trình giáo dục theo cấp độ giáo viên để đáp ứng nhu cầu giáo dục khác biệt của từng học sinh, với vai trò là người quyết định chủ động xây dựng chương trình giảng dạy. Vì vậy, việc tập huấn, đào tạo để các giáo viên có được năng lực để có thể thiết kế lại chương trình giảng dạy theo cấp độ giáo viên là hết sức quan trọng. Và mức độ tiếp thu của giáo viên và khả năng chuyên môn của giáo viên liên quan đến việc thiết kế chương trình giảng dạy cấp trường, cấp lớp dựa trên chương trình giáo dục quốc gia cùng với chuyên môn giảng dạy học sinh là những yếu tố tiên quyết không thể thiếu. Vì vậy, cần phải có khảo sát về mức độ chuyên môn mà giáo viên chuyên biệt cần có, và phải có sự hỗ trợ về tập huấn nâng cao năng lực cho giáo viên chuyên biệt dựa vào kết quả khảo sát đó. Thông qua phương pháp này, có thể đảm bảo một cách hiệu quả về tính chuyên môn về triển khai chương trình giáo dục và quyền học tập của học sinh. Để khắc phục những hạn chế về thời gian, khoảng cách và để tăng số lượng giáo viên tham gia tập huấn thì cần mở rộng hệ thống tập huấn từ xa và triển khai một cách linh hoạt. Trong tập huấn từ xa cũng không chỉ tập trung vào việc gia tăng về lượng mà còn phải đảm bảo chương trình tập huấn lấy người học làm trọng tâm bên cạnh việc phát triển các nội dung tập huấn phù hợp với nhu cầu thực tế và các nội dung sáng tạo đa dạng khác.

3.3. Quá trình đào tạo giáo viên chuyên biệt và tăng cường nhân lực phụ trợ

Ở Việt Nam, hiện tại hệ thống cơ bản và trọng tâm triển khai đào tạo giáo viên chuyên biệt là chương trình đại học, tuy nhiên sau này cần chuyển trọng tâm đào tạo giáo viên ở bậc cao học. Và phải đa nguyên hóa chương trình đào tạo giáo viên đặc biệt và áp dụng bằng nhiều phương pháp khác nhau. Sau khi người học chuyên ngành và hoàn thành chương trình đào tạo giáo dục đặc biệt ở đại học và vượt qua kỳ thi đánh giá năng lực thì sẽ được cấp chứng chỉ giáo viên chuyên biệt. Việt Nam cũng cần nghiên cứu quy trình để đào tạo nhân lực giáo dục đặc biệt cho phép những người có chứng chỉ giáo viên phổ thông được hoàn thành chương trình đào tạo giáo viên chuyên biệt để trở thành giáo viên chuyên biệt. Giáo viên chuyên biệt cũng cần được trao dồi liên tục thông qua các

chương trình tập huấn về các thông tin, kiến thức, kỹ thuật mới nhằm đáp ứng với xu hướng thay đổi chóng mặt về chính trị, xã hội, kinh tế. Để các giáo viên có thể thực hiện được vai trò một cách hiệu quả hơn, nâng cao năng lực thích ứng với công việc, trau dồi năng lực chuyên môn, nâng cao các tư chất cơ bản, việc tập huấn cho giáo viên là một việc làm cần thiết. Vì vậy, nên đưa ra các tiêu chuẩn năng lực gồm các kiến thức và kỹ năng mà giáo viên chuyên biệt phải có và đưa vào chương trình đào tạo giáo viên chuyên biệt. Và ở các trường đại học thông thường cũng cần triển khai chương trình chuyên ngành giáo dục đặc biệt để có năng lực đào tạo giáo viên chuyên biệt, nhằm đào tạo giáo viên chuyên môn đa dạng (nghệ thuật và thể chất, trị liệu, nghề nghiệp v.v..) liên quan đến giáo dục đặc biệt. Ngoài ra, bên cạnh sự thiếu hụt về số cơ quan đào tạo giáo viên chuyên biệt, thì Việt Nam cũng đang thiếu nguồn giáo viên chuyên biệt mới đa dạng mà các cơ quan về giáo dục đặc biệt yêu cầu, thiếu năng lực để nâng cao tiêu chuẩn chất lượng của giáo viên chuyên biệt để đáp ứng môi trường giáo dục cho trẻ đa tật mức độ nặng và môi trường giáo dục hòa nhập, các cơ quan đào tạo không có đủ năng lực và chưa được tiêu chuẩn hóa, chuyên môn hóa v.v..đang trở thành những thử thách và bài toán lớn cho giáo dục đặc biệt.

Cùng với sự đa dạng hóa của môi trường học tập của học sinh khuyết tật, để có thể mang lại điều kiện giáo dục và các dịch vụ giáo dục đặc biệt chất lượng tốt thông qua dịch vụ giáo dục cá nhân hóa thì giáo viên chuyên biệt cùng với nhân lực phụ trợ giáo dục đặc biệt chính là đội ngũ nhân lực đóng vai trò vô cùng quan trọng. Khi nhìn nhận thực trạng rằng số lượng học sinh khuyết tật đang tăng dần và nhu cầu về nhân lực phụ trợ cũng đang lớn dần, vậy thì cũng cần có sự bố trí hiệu quả về nhân lực phụ trợ này theo một tiêu chuẩn phù hợp theo từng loại hình của cơ quan giáo dục đặc biệt. Nói cách khác, vai trò của nhân lực phụ trợ giáo dục đặc biệt là hỗ trợ giáo dục hòa nhập, hỗ trợ nhu cầu cá nhân của học sinh, hỗ trợ hoạt động học tập và giảng dạy, đồng thời cũng có thể đóng vai trò tương tác với giáo viên phụ trách và học sinh khuyết tật. Cần phải có những nghiên cứu phân tích vai trò, chức năng của nhân lực phụ trợ và phương án vận dụng, bố trí nhân lực này tại các trường chuyên biệt và các nghiên cứu phân tích yếu tố năng lực nghiệp vụ của họ.

3.4. Tăng cường sự tham gia và sự hỗ trợ của phụ huynh có trẻ khuyết tật tại Việt Nam

Các cơ sở giáo dục có thể hợp tác cùng phụ huynh để giáo dục cho phụ huynh các kiến thức và phương pháp hướng dẫn phù hợp với khuyết tật của trẻ nhằm mang lại giáo dục trị liệu hiệu quả cho trẻ; và khi phụ huynh cần sự giúp đỡ trong việc dạy trẻ, có thể yêu cầu hỗ trợ. Thông qua việc hướng dẫn phụ huynh như vậy có thể giúp duy trì tính nhất quán giữa giáo dục nhà trường và giáo dục gia đình, đồng thời ngăn ngừa được việc phát sinh thêm khuyết tật khác nhờ sự hỗ trợ trong việc ngăn ngừ khuyết tật thứ phát.

Nhiều phụ huynh có trẻ khuyết tật ở Việt Nam đã nhận thức được tính cần thiết của giáo dục phụ huynh, tuy nhiên thực tế vẫn còn thiếu các chương trình giáo dục phù hợp dành cho phụ huynh. Dựa trên quan niệm cần tăng cường tối đa hiệu quả của giáo dục sớm, các mối quan hệ giữa phụ huynh và giáo viên, giữa gia đình và nhà trường trở nên bình đẳng, thay cho hình thức học tập thụ động đơn thuần trong quá khứ, cần phải chuyển thành hình thức giáo dục nhất quán, có sự tương tác giữa hai bên, phải có các hoạt động có thể tạo ra ảnh hướng tích cực đến cả gia đình, đơn vị giáo dục và địa phương chứ không chỉ là học sinh và phụ huynh học sinh. Cần phải phát triển và phổ cập tài liệu hướng dẫn (manual) về sự tham gia của bố mẹ trong kế hoạch giáo dục cá nhân, và phải nhấn mạnh vai trò của phụ huynh là một thành viên của nhóm hỗ trợ giáo dục cá nhân hóa. Nếu nếu xây dựng và phổ cập được tài liệu hướng dẫn liên quan đến sự tham gia của các thành viên thực hiện lập kế hoạch giáo dục cá nhân thì sẽ có thể giảm thiếu, ngăn ngừa được mâu thuẫn giữa giáo viên chuyên biệt và phụ huynh. Ngoài ra cần phải phát triển hệ thống cung cấp thông tin giáo dục dành cho phụ huynh, đồng thời phát triển và phổ cập sách hướng dẫn giáo dục trẻ để nâng cao năng lực giáo dục trẻ cho phụ huynh học sinh.

4. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN VỀ LƯỢNG VÀ CHẤT CHO GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT

4.1. Đổi mới đánh giá giáo dục

Để mang lại sự phát triển cho giáo dục đặc biệt, không chỉ cần sự thay đổi về phương pháp giảng dạy của giáo viên mà còn đòi hỏi sự đổi mới về phương pháp đánh giá. Mô hình (Paradigm) đánh giá lấy kết quả học tập của học sinh khuyết tật để quyết định mức độ hoàn thành và xếp hạng trình độ cần phải được thay đổi. Cần phải thay đổi theo hướng đặt trọng tâm vào chức năng bản chất của đánh giá chính là quan tâm đến từng sự thay đổi nhỏ trong quá trình thực hiện của học sinh khuyết tật và cải thiện chất lượng giảng dạy và học tập. Cần phải đánh giá một cách đa chiều và tổng hợp để có được đánh giá toàn diện, và phải tăng cường việc đánh giá coi trọng quá trình học tập. Cần phát triển và phổ cập tiêu chuẩn đánh giá dựa theo tiêu chuẩn cần đạt của từng môn học để nhà trường có thể triển khai đánh giá một cách thuận lợi, đồng thời thực hiện phương pháp đánh giá phù hợp với mục tiêu của chương trình môn học. Và cũng cần phát triển các phương pháp, quy trình, công cụ đánh giá đa dạng có thể áp dụng phù hợp với hoạt động đánh giá của từng môn học để cung cấp cho các trường. Ngoài ra cần chuẩn bị các phương án điều chỉnh đánh giá cho học sinh thuộc đối tượng giáo dục đặc biệt và hỗ trợ để có thể có đánh giá phù hợp với loại hình và mức độ khuyết tật của các em. Không phải để sau khi hoàn thành tiết học rồi mới cân nhắc đến việc đánh giá mà cần phải lập kế hoạch đánh giá về việc học sinh có đạt được mục tiêu giáo dục hay không ngay từ giai đoạn lập mục tiêu giáo dục, để nâng cao tính nhất quán giữa tiết học và đánh giá.

4.2. Thực chất hóa giáo dục hòa nhập.

Ở Việt Nam cũng đang có xu hướng quan tâm đến giáo dục hòa nhập, và hiện tại cũng có nhiều học sinh khuyết tật không phân biệt mức độ hay loại hình khuyết tật được học hòa nhập tại các lớp học hòa nhập. Tuy nhiên vẫn cần thêm những nỗ lực để đem lại sự hỗ trợ phù hợp cần thiết cho các học sinh khuyết tật ở trong môi trường giáo dục hòa nhập. Để học sinh khuyết tật có thể học tập và thích ứng thành công trong môi trường bình thường, ngoài sự hòa nhập về vật lý hay hòa nhập về xã hội thì còn cần có cả hòa nhập về chương trình giáo dục. Và để hướng tới mục đích hào nhập về chương trình giáo dục thì môi trường trường học, sự hợp tác giữa các giáo viên, sự điều chỉnh về mặt giảng dạy (điều chỉnh và thay đổi môi trường một cách toàn diện gồm: nội dung giảng dạy, môi trường giảng dạy, phương pháp giảng dạy, đánh giá giảng dạy v.v.) là những nội dung quan trọng đối với giáo dục hòa nhập. Đặc biệt, nhận thức của giáo viên tại lớp hòa nhập đóng vai trò quyết định trong môi trường hòa nhập. Nói cách khác, để thực thi giáo dục hòa nhập, yếu tố cấp thiết cần có là giáo viên hòa nhập và giáo viên chuyên biệt cần có kiến thức và kỹ năng giải quyết các vấn đề thường nhật về học sinh khuyết tật. Những yếu tố gây khó khăn cho giáo dục hòa nhập là những khó khăn về tổ chức hoạt động giáo dục hòa nhập phù hợp do sự thiếu hụt nhận thức về người khuyết tật của học sinh và phụ huynh học sinh không khuyết tật, thiếu kỹ năng xử lý với các hành vi có vấn đề của học sinh khuyết tật xảy ra trong bối cảnh tiết học cụ thể, sự thiếu hụt về kỹ năng thiết kế tiết học của các giáo viên đặc biệt, sự thiếu hụt về các dịch vụ hỗ trợ giáo dục đặc biệt v.v...

Để giáo dục trường học có thể trở thành môi trường giáo dục hòa nhập, cần phải có sự chuyển đổi thành giáo dục thực chất, giáo dục lấy quá trình làm trung tâm, giáo dục lấy học sinh làm trung tâm, giáo dục lấy hợp tác làm trung tâm. Có thể nói rằng phải hướng dẫn cho học sinh khuyết tật các kỹ năng đặc biệt để có thể có mối quan hệ tốt đẹp với các học sinh khác, đồng thời giáo dục các học sinh không khuyết tật để các em có thể xây dựng mối quan hệ bạn bè phù hợp với thái độ đúng đắn về học sinh khuyết tật, thì lúc đó mới có thể có được giáo dục hòa nhập một cách đúng nghĩa. Giáo dục hòa nhập không thể được coi là hoàn thiện nếu chỉ đơn giản là cho học sinh khuyết tật ngồi vào lớp học được thiết kế hòa nhập, mà phải có sự tham gia tích cực vào lớp học thì mới được coi là hòa nhập thành công. Và để làm được điều này, cần phải sửa đổi hoặc bổ sung các nội dung hay phương pháp học tập, giảng dạy trong lớp hòa nhập sao cho phù hợp với trình độ hay đặc điểm khuyết tật của học sinh khuyết tật. Học sinh khuyết tật có thể tham gia tích cực vào tiết học hơn thông qua việc điều chỉnh tài liệu sử dụng trong tiết học, nội dung tiết học, các hình thức tổ chức nhóm, phương pháp đánh giá được sử dụng trong tiết học v.v..Để làm được điều này, giáo viên hòa nhập và giáo viên chuyên biệt phụ trách lớp học hòa nhập phải cùng có trách nhiệm về giáo dục học sinh khuyết tật và cùng hợp tác phát huy chuyên môn của mỗi người. Thay vì dựa theo đặc điểm và năng lực của học

sinh để phân chia ra những học sinh mà giáo viên hòa nhập chịu trách nhiệm, những học sinh mà giáo viên chuyên biệt phụ trách, cần phải đổi hướng sang cách thức mà tất cả giáo viên cùng chịu trách nhiệm cho tất cả học sinh.

4.3. Chuyên môn hóa đánh giá chẩn đoán trên phương diện giáo dục (phân biệt với chẩn đoán y tế).

Ở Hàn Quốc, tại các Phòng/Sở Giáo dục có đơn vị phụ trách quản lý bố trí học tập cho học sinh khuyết tật đóng vai trò bố trí học tập cho các em học sinh thuộc đối tượng giáo dục đặc biệt dựa trên hệ thống chẩn đoán đánh giá chuyên nghiệp và hiệu quả để bố trí môi trường học giáo dục phù hợp theo mức độ khuyết tật và nhu cầu giáo dục của học sinh. Ở Việt Nam cũng vậy, tại các Sở giáo dục tỉnh/thành phố cũng cần thành lập ủy ban quản lý giáo dục đặc biệt và tuyển thêm chuyên gia vào đội ngũ nhân lực sở để làm thành viên ủy ban, đóng vai trò hỗ trợ chuyên môn. Đồng thời cũng cần có cơ chế hỗ trợ về hành chính và tài chính để hỗ trợ giáo viên chuyên biệt trong việc chẩn đoán đánh giá và phân loại học sinh. Khi đề xuất về các vấn đề cần cải thiện về chẩn đoán đánh giá giáo dục, có thể kể đến hỗ trợ của bác sỹ và chuyên gia về chẩn đoán đánh giá, hỗ trợ chẩn đoán và phân loại đối với các trẻ mà nhà trường không thể tự chẩn đoán đánh giá được, hỗ trợ tập huấn chẩn đoán đánh giá cho giáo viên chuyên biệt, mở rộng thêm công cụ và tài liệu chẩn đoán đánh giá theo từng loại hình khuyết tật, nâng cao năng lực chẩn đoán đánh giá cho giáo viên chuyên biệt, v.v..

Tại Việt Nam, các công cụ chẩn đoán chủ yếu đang được sử dụng là công cụ kiểm tra sàng lọc trẻ nhỏ, kiểm tra trí tuệ, bảng câu hỏi chẩn đoán trẻ tự kỷ, kiểm tra mức độ thành thục kỹ năng xã hội, kiểm tra hành vi thích ứng; ngoài ra cần phải phát triển thêm các công cụ kiểm tra khác như kiểm tra mức độ chuẩn bị học tập, kiểm tra học lực đầu vào, công cụ đánh giá phát triển hành vi v.v.., và phải cải thiện hệ thống cung cấp công cụ kiểm tra hiện tại thì mới mang lại được sự thay đổi cho các công cụ kiểm tra. Các vấn đề về chẩn đoán đánh giá khuyết tật có thể kể đến việc thực hiện kiểm tra thống nhất và không phân biệt do thiếu người kiểm tra có chuyên môn phù hợp với điều kiện của Việt Nam, thiếu công cụ kiểm tra được tiêu chuẩn hóa, thiếu cơ chế hợp tác theo nhóm giữa các cơ quan liên quan. Sau này cần phải phát triển định nghĩa và tiêu chuẩn phù hợp cho trẻ khuyết tật nhỏ tuổi, và tăng cường các hướng dẫn, điều khoản luật liên quan đến quy trình và phương pháp chẩn đoán đánh giá phù hợp với đặc điểm của trẻ khuyết tật nhỏ tuổi và hệ thống phát hiện sớm khuyết tật một cách toàn diện.

4.4. Tăng cường giáo dục lưu động tại Việt Nam (giáo dục tại chỗ cho các học sinh khuyết tật không học chuyên biệt tập trung)

Với các học sinh khuyết tật chưa có được giáo dục phù hợp tại gia đình hay các cơ sở giáo dục, hay với các học sinh đa tật mức độ nặng không có cơ hội đi học, cần phân tích

tình hình, nguyên nhân, trạng thái mức độ và nhu cầu giáo dục để triển khai giáo dục lưu động cho các em. Ở Hàn Quốc, giáo dục lưu động đã được định nghĩa trong khoản 8 điều 2 Luật giáo dục đặc biệt dành cho người khuyết tật. "giáo dục lưu động là giáo dục được thực hiện bằng các các nhân lực phụ trách dịch vụ liên quan giáo dục đặc biệt và viện giáo dục đặc biệt trực tiếp đến dạy cho các học sinh khuyết tật tại các trường học, cơ quan y tế, gia đình hay cơ quan phúc lợi xã hội (cơ quan phúc lợi cho người khuyết tật, cơ quan phúc lợi cho trẻ em v.v..). Giáo viên phụ trách giáo dục lưu động sẽ thực hiện vai trò tư vấn và trao đổi về giáo dục đặc biệt, từ đó cung cấp các thông tin tài liệu về giáo dục đặc biệt cho giáo viên chuyên biệt, phụ huynh và học sinh thuộc diện giáo dục lưu động. Ngoài ra, cần đóng vai trò là giáo viên kiêm người hỗ trợ cho học sinh khuyết tật, phát huy chức năng điều chỉnh, sắp xếp nhân sự, chuyên gia (trị liệu v.v..) phù hợp cho học sinh trong chương trình giáo dục lưu động. Cần hỗ trợ các đối tượng học sinh cần giáo dục lưu động với các hình thức đa dạng như "hình thức giáo dục tại chỗ 1-1", tức là giáo viên đến tận nơi để dạy cho học sinh, "hình thức gián tiếp", tức là giáo viên gửi bài tập qua email, internet hay điện thoại, "hình thức giáo dục tại gia đình", tức là giáo viên giao nhiệm vụ học tập cho một mình học sinh hoặc cùng với người thân học sinh tại gia đình dựa theo kế hoạch từ trước, "hình thức giáo dục cùng tham gia", tức là giáo viên cùng tham gia tiết học hay các hoạt động sự kiện của nhà trường mà các em đang học, hình thức giáo dục trải nghiệm, tức là học sinh cùng trải nghiệm cùng phụ huynh hoặc giáo viên theo kế hoạch có sẵn v.v...Để nâng cao chất lượng của giáo dục đặc biệt, cần có tiêu chuẩn rõ ràng về xác định và bố trí học tập cho học sinh khuyết tật, phát triển chương trình giáo dục và phổ cập tài liệu cho học sinh thuộc đối tượng giáo dục lưu động, hỗ trợ và tập huấn cho các giáo viên phụ trách giáo dục lưu động ở phương diện hỗ trợ của quốc gia. Ở Việt Nam cần phát triển cơ chế giáo dục lưu động phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam để giúp các học sinh có khuyết tật về thể chất hay tinh thần có thể vượt khỏi môi trường gia đình và cơ sở phúc lợi để từng bước khắc phục những giới hạn để bước đến ngôi trường hạnh phúc và một xã hội hòa nhập cùng chung sống thông qua giáo dục lưu động.

4.5. Tăng cường hỗ trợ giáo dục cho học sinh khuyết tật đa tật mức độ nặng

Trước tiên cần có căn cứ pháp luật rõ ràng về hỗ trợ cho học sinh đa tật mức độ nặng, đồng thời có quy định phạm vi, định nghĩa khái niệm cho đối tượng học sinh đa tật mức độ nặng. Và nhà nước, chính quyền tỉnh, thành phố cần dựa vào đây và cân nhắc các tiêu chuẩn số học sinh mỗi lớp, số giáo viên chuyên biệt, số nhân lực phụ trợ để chuẩn bị kế hoạch hỗ trợ cụ thể cho học sinh đa tật mức độ nặng. Học sinh đa tật mức độ nặng cần các dịch vụ đa dạng như: hỗ trợ trị liệu, hỗ trợ chăm sóc, hỗ trợ thiết bị phụ trợ, bố trí thêm nhân lực phụ trợ v.v..., tuy nhiên trên thực tế vẫn còn thiếu các hệ thống hỗ trợ đối với các nhu cầu này. Để cải thiện điều kiện giáo dục như môi trường lớp học dành cho

học sinh đa tật mức độ nặng thì cần phải tăng tính tiếp cận cơ sở vật chất, cần có các không gian tiện lợi di chuyển cho người khuyết tật và khu vực vệ sinh dành cho người khuyết tật, đồng thời cần mở rộng hỗ trợ về công nghệ để hỗ trợ, cải thiện các kỹ năng thể chất cho học sinh. Đối với học sinh đa tật mức độ nặng, cần được giáo dục thông qua chương trình giáo dục kỹ năng như chương trình giáo dục lấy đời sống làm trung tâm. Để phát triển chương trình giáo dục lấy đời sống làm trung tâm, cần có sự tham gia của các chuyên gia gồm chuyên gia về giáo dục đặc biệt, chuyên gia các lĩnh vực kỹ năng (ví dụ: chương trình giáo dục lấy đời sống làm trung tâm, chương trình giáo dục lấy nghề nghiệp làm trung tâm), chuyên gia về chương trình giáo dục.

5. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT VIỆT NAM

5.1. Phương hướng cải tiến nội dung giáo dục cho giáo dục đặc biệt

Để chương trình giáo dục đặc biệt cấp quốc gia được tổ chức và triển khai một cách suôn sẻ, các trường cần nỗ lực vận hành chương trình với hình thức lấy học sinh làm trung tâm. Ngoài ra, tất cả các tài liệu và hoạt động của chương trình giảng dạy phải được tổ chức lại một cách linh hoạt dựa trên độ tuổi và khả năng của nhóm học tập và nhu cầu của học sinh. Hướng dẫn tất cả học sinh đạt được mục tiêu học tập của riêng mình cho từng môn học, và cần có kế hoạch xem xét và hướng dẫn để ngăn ngừa tích lũy thiếu hụt học tập hoặc giảm động lực học tập. và trình bày, thảo luận, thử nghiệm, quan sát, điều tra, đo lường, thu thập và lao động. Cần nghiên cứu cách viết sách giáo khoa để có thể thực hiện đầy đủ các hoạt động trải nghiệm trực tiếp như đi thực tế. Để nâng cao khả năng thích ứng xã hội của học sinh khuyết tật, cần tập trung vào những kiến thức thiết thực có ích cho cuộc sống hiện tại và tương lai của học sinh khuyết tật và nội dung giáo dục về khả năng thích ứng cuộc sống. Ngoài ra, điều quan trọng là học sinh phải có được các kỹ năng cần thiết để trở nên độc lập trong xã hội hiện tại và tương lai. Dựa trên sở thích và mối quan tâm của học sinh, các bối cảnh học tập có thể được phát triển dựa trên trải nghiệm trực tiếp trong các cảnh đời thực được lựa chọn và cuộc sống xã hội như hình thành thói quen lối sống cơ bản trong cuộc sống hàng ngày, tham gia hoạt động nhóm và hợp tác với những người khác. Các nội dung cần chủ yếu bao gồm các kiến thức cơ bản, kỹ năng, thái độ, ... cần thiết cho cuộc sống nghề nghiệp.

5.2. Tăng cường và hiện đại hóa trang thiết bị phụ trợ

Theo điều 11 Luật giáo dục đặc biệt dành cho người khuyết tật Hàn Quốc có quy định rõ cần phải thành lập và vận hành trung tâm hỗ trợ giáo dục đặc biệt, theo khoản 4, điều 28 trong Luật này cũng nói rõ người đứng đầu các trường học phải cung cấp các trang thiết bị như các loại học cụ giáo cụ, thiết bị hỗ trợ học tập, thiết bị công nghệ phụ trợ cần cho việc giáo dục học sinh khuyết tật. Dịch vụ trang thiết bị hỗ trợ người khuyết

tật không chỉ đơn thuần là tư vấn hay hỗ trợ thiết bị, hay quản lý mà còn phải cân nhắc các yếu tố phức tạp như tình trạng thể chất và đặc điểm khuyết tật của học sinh, việc đảm bảo nguồn lực hỗ trợ trang thiết bị. Khi học sinh có khuyết tật, thì các em sẽ gặp nhiều bất tiện trong đời sống hằng ngày do những hạn chế về môi trường sống, do đó cần phải thay đổi môi trường bằng các phương pháp giúp giải quyết những hạn chế đó, và vấn đề kỹ thuật quan trọng nhất để thay đổi môi trường chính là công nghệ hỗ trợ. Trang thiết bị phụ trợ giúp các học sinh rối loạn phát triển có thể hòa nhập với xã hội. Chúng giúp những người khuyết tật không bẩm sinh có thêm sức mạnh để trở lại hòa nhập xã hội, và giúp cải thiện sức khỏe, cũng như duy trì công việc bằng các loại trang thiết bị thao tác đa dạng. Cần phải mở rộng phát triển các loại trang thiết bị phụ trợ, xây dựng các hướng dẫn công việc liên quan đến các dịch vụ và trang thiết bị phụ trợ để triển khai thực tế. Điện thoại thông minh và máy tính bảng nếu được cài đặt chức năng đa dạng được tích hợp và các ứng dụng phù hợp giúp người dùng có thể tận dụng tối đa các chức năng đó thì nó có thể trở thành một phương án giúp các học sinh khuyết tật gặp khó khăn trong việc đọc, viết hay nghe, nói có thể tiếp cận nhiều hơn các nội dung sáng tạo và sử dụng được các loại sách và tài liệu đa dạng. Cần tăng cường các trang thiết bị công nghệ phụ trợ được thiết kế riêng cho từng loại khuyết tật, thiết lập hệ thống mượn trả các trang thiết bị phụ trợ, tăng cường các hỗ trợ thực tế tại chỗ như hỗ trợ giáo dục tại chỗ để giúp học sinh và giáo viên có thể áp dụng các trang thiết bị phụ trợ một cách hiệu quả trong học tập và giảng dạy.

5.3. Mở rộng hệ thống trường (lớp) chuyên biệt và mở rộng cơ hội giáo dục

Cần thoát khỏi nhận thức rằng trường chuyên biệt là một trường đặc biệt chỉ tập trung các học sinh có khuyết tật, thay vào đó nhận thức trường chuyên biệt với vai trò là nơi hội tụ nhân lực mang giàu chuyên môn, có đội ngũ các chuyên gia giáo dục đặc biệt phong phú và đa dạng. Và, thay vì coi trường chuyên biệt là ưu tiên hàng đầu trong giáo dục đặc biệt, hãy coi nó đơn thuần như một lựa chọn trong nhiều lựa chọn khác; và nhận thức xã hội công nhận quyền lựa chọn môi trường giáo dục của các học sinh khuyết tật là một điều quan trọng. Trong tương lai, cần cải thiện việc đảm bảo quyền giáo dục cho học sinh khuyết tật thông qua việc giải quyết các vấn đề như: không đáp ứng đủ trường chuyên biệt tương ứng với số lượng học sinh thực tế, học sinh gặp khó khăn trong việc tiếp cận trường học do không có trường chuyên biệt ở gần nơi ở của học sinh, tình trạng quá tải sĩ số học sinh. Để giải quyết các vấn đề có thể nảy sinh trong quá trình thành lập trường chuyên biệt nhằm mở rộng cơ hội giáo dục trường học cho học sinh khuyết tật, cần ưu tiên xem xét tính khả thi của dự án. Ngoài ra, dự án cần xem xét đầy đủ toàn bộ quá trình bao gồm: lập kế hoạch, thiết lập ủy ban quản lý, lựa chọn địa điểm v.v... Để khắc phục vấn đề nhận thức tiêu cực của người dân về việc thành lập trường chuyên biệt, cần liên kết với cộng đồng địa phương, vốn đóng vai trò quan trọng đối với sự hòa nhập

xã hội của người khuyết tật như sự thích nghi của học sinh tại địa phương, giáo dục chuyển tiếp. Để đảm bảo quyền học tập cho học sinh khuyết tật thông qua việc mở rộng thành lập trường chuyên biệt, cần có sự quan tâm và hỗ trợ liên tục của quốc gia đối với giáo dục đặc biệt, chuẩn bị cơ sở pháp lý về việc thành lập trường chuyên biệt và nâng cao nhận thức xã hội về nhu cầu giáo dục đặc biệt và về người khuyết tật.

5.4. Củng cố và thực chất hóa hệ thống kế hoạch giáo dục cá nhân hóa

Tại Hàn Quốc, tại điều 22 Luật Giáo dục đặc biệt cho Người khuyết tật và Điều 4 tại thông tư hướng dẫn thực hiện bộ luật này quy định việc lập kế hoạch giáo dục cá nhân và thành lập nhóm hỗ trợ giáo dục cá nhân hóa là nghĩa vụ bắt buộc nêui rõ dưới dạng văn bản luật. Để nâng cao chất lượng giáo dục đặc biệt, hệ thống Kế hoạch Giáo dục cá nhân (IEP) cần được củng cố và vận hành một cách thực chất. Việc thành lập nhóm hỗ trợ giáo dục cá nhân hóa cần được quy định trên văn bản luật như một tổ chức bàn bạc thảo luận nhằm cung cấp giáo dục phù hợp với nhu cầu giáo dục của các học sinh thuộc đối tượng giáo dục đặc biệt. Nhóm hỗ trợ giáo dục cá nhân cần thảo luận về: báo cáo kết quả đánh giá kế hoạch giáo dục cá nhân năm trước của học sinh khuyết tật, nắm bắt sở trường, năng khiếu, sở thích, nhu cầu giáo dục và trình độ học tập hiện tại trong từng môn học, điều chỉnh mục tiêu giáo dục (mục tiêu học kỳ), nội dung giáo dục, phương pháp giảng dạy, kế hoạch đánh giá, thực hiện đánh giá, về nội dung và phương pháp của các dịch vụ liên quan giáo dục đặc biệt. Ở Hàn Quốc, không có biểu mẫu quy định cho kế hoạch giáo dục cá nhân, nhưng có hướng dẫn cụ thể về các thông tin cần có trong kế hoạch. Ngoài ra, khi lập kế hoạch giáo dục cá nhân, cần có sự tham gia của giáo viên hòa nhập, phụ huynh và phải hướng dẫn đầy đủ, và tuân thủ quy trình thu thập ý kiến; đồng thời phải có đủ các nội dung cần thiết như: thông tin cá nhân của học sinh, trình độ học tập hiện tại trong lĩnh vực cần hỗ trợ giáo dục, mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục, kế hoạch đánh giá và các nội dung, phương pháp về dịch vụ liên quan giáo dục đặc biệt. Cần liên tục tiến hành tập huấn cho giáo viên chuyên biệt về việc cung cấp chương trình giáo dục và tài liệu giảng dạy học tập có thể giúp giáo viên chuyên biệt cải thiện tình trạng thiếu kiến thức hoặc thông tin về kế hoạch giáo dục cá nhân và nâng cao khả năng lập kế hoạch giáo dục cá nhân, từ đó mang lại những hỗ trợ thực chất cho giáo viên chuyên biệt. Để mang lại hiệu quả thực tế cho giáo dục cá nhân hóa, giáo viên chuyên biệt cần phát triển các tiêu chuẩn cần đạt dựa trên mức độ và đặc điểm khuyết tật của từng học sinh, các hành vi và kỹ năng, và các chủ đề hướng tới học sinh khuyết tật, cũng như các phương pháp và quy trình đánh giá chúng.

5.5. Tăng cường các dịch vụ liên quan giáo dục đặc biệt

Các dịch vụ liên quan giáo dục đặc biệt phải được đưa vào kế hoạch giáo dục cá nhân, cùng với mục tiêu giáo dục, phương pháp giáo dục và nội dung giáo dục phù hợp với loại hình và đặc điểm khuyết tật của đối tượng giáo dục đặc biệt. Để hỗ trợ các dịch

vụ liên quan giáo dục đặc biệt một cách hiệu quả và để có được sự hỗ trợ một cách hệ thống, cần thiết lập một hệ thống hỗ trợ tích hợp trong một cơ quan như hỗ trợ trị liệu, hỗ trợ nhân viên phụ trợ, hỗ trợ gia đình, hỗ trợ thiết bị công nghệ phụ trợ, dịch vụ phục hồi phát triển, hoạt động giải trí-văn hóa-thể chất-nghệ thuật và chương trình hoạt động ban ngày cho người khuyết tật phát triển. Cũng cần có một hệ thống để đào tạo cấp chứng chỉ hành nghề trong các lĩnh vực liên quan như vật lý trị liệu, vận động trị liệu, phục hồi chức năng ngôn ngữ, bố trí làm việc tại các tỉnh thành, để hỗ trợ lưu động trong các giờ học ở các trường có nhu cầu. Tùy thuộc vào đặc điểm và nhu cầu của học sinh khuyết tật, có thể điều chỉnh các hình thức hỗ trợ trị liệu, thời gian phục vụ, địa điểm phục vụ (ví dụ: trị liệu 1-1 ở nơi riêng biệt, hỗ trợ trong lớp học) khác nhau. Để đào tạo và bố trí việc làm cho nhân lực trị liệu có phẩm chất và chuyên môn xuất sắc, cần cụ thể hóa các điều kiện tư cách, đồng thời chuẩn bị các chế độ chính sách với đãi ngộ phù hợp và chức danh chức vụ ổn định. Ngoài ra, cần phải chuẩn bị một hệ thống cung cấp ngân sách và hỗ trợ hành chính cho việc cung cấp nhân lực hỗ trợ trị liệu và các phương án quản lý. Trong tương lai, hy vọng rằng các trường chuyên biệt sẽ mở rộng phạm vi hỗ trợ trị liệu, và các giáo viênchuyên biệt cùng các nhân lực trị liệu sẽ cùng hợp tác để hỗ trợ trị liệu cho học sinh có liên hệ mật thiết với giờ học ở trường. Ngoài ra, cần sớm sửa đổi các luật liên quan để chuẩn bị phương án bố trí bác sĩ trong các trường chuyên biệt để hoạt động hỗ trợ trị liệu đạt hiệu quả cao. Để cha mẹ trẻ khuyết tật nhận được các dịch vụ phù hợp, cần thiết lập một hệ thống hướng dẫn thông tin để phụ huynh có thể có được thông tin cụ thể về các đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ trị liệu.

5.6. Xây dựng tài liệu giảng dạy nhằm mang lại hoạt động học tập hiệu quả

Sách giáo khoa và đồ dùng dạy học đóng vai trò rất quan trọng để triển khai các hoạt động học tập hiệu quả nhằm đạt được mục tiêu giáo dục cho học sinh khuyết tật. Giáo viên chuyên biệt phải lựa chọn sách giáo khoa và đồ dùng dạy học phù hợp để đạt được mục tiêu giáo dục trên đặc điểm trí tuệ, thể chất, cảm xúc của học sinh và điều kiện thực tế. Ngoài ra, để mang lại giáo dục thành công cho học sinh khuyết tật cần phải có các phương tiện hỗ trợ nghe nhìn và các phương tiện hỗ trợ khác để triển khai các hoạt động học tập hiệu quả. Khi chúng ta coi môi trường giáo dục và cơ sở vật chất là điều kiện cơ bản, quan trọng nhất trong các yếu tố giáo dục quyết định hiệu quả của giáo dục thì việc cải thiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học là nhiệm vụ cấp thiết cần giải quyết. Tuy nhiên, mặc dù hầu hết học sinh khuyết tật có đặc điểm rất khác nhau, và có trình độ rất đa dạng, đòi hỏi cần rất nhiều các giáo trình, giáo cụ đa dạng phù hợp với từng đối tượng, các công ty bình thường hiếm khi sản xuất thiết bị hỗ trợ giáo dục đặc biệt với lý do không mang lại lợi nhuận và các tài liệu hữu ích thì lại thường đắt đỏ nên rất khó để áp dụng trong thực tế. Trên thực tế các giáo viên chuyên biệt vẫn chủ động tự chuẩn bị tài liệu và giáo cụ dạy học cho các tiết học của mình nhưng hầu như không chia sẻ được cho

nhau vì nó chỉ dành cho học sinh mà các giáo viên đó dạy. Ngoài ra, cũng không có nhiều mạng lưới để chia sẻ các tài liệu giảng dạy do các thầy cô chuẩn bị, vì vậy chúng thường chỉ được sử dụng một lần và vứt đi, chứ hiếm khi được chia sẻ và sử dụng lại. Giáo viên chuyên biệt không chỉ phải trở thành chuyên gia về tài liệu giảng dạy mà còn phải không ngừng nghiên cứu và nỗ lực phát triển các giáo trình, giáo cụ phù hợp với đặc điểm cá nhân của học sinh khuyết tật. Vì hoạt động của chương trình giảng dạy khác nhau tùy thuộc vào loại khuyết tật hoặc quy trình nào đó, và có thể thay đổi tùy theo điều kiện của trường học, nên cần phải có một bản tiêu chuẩn về giáo cụ học cụ để có thể triển khai một cách linh hoạt.

6. Chẩn đoán khuyết tật và phương án phát triển cơ sở vật chất môi trường giáo dục

6.1. Tăng cường hệ thống phát hiện sớm và hệ thống đánh giá chẩn đoán cho trẻ sơ sinh và trẻ khuyết tật nhỏ tuổi

Việc xây dựng một tiêu chuẩn chi tiết, có hệ thống cấp quốc gia để phát hiện, chẩn đoán sớm trẻ khuyết tật và đưa ra phương pháp giáo dục phù hợp là một nhiệm vụ cần kíp trong giáo dục đặc biệt. Nếu có những hướng dẫn khách quan như cách sử dụng thành thạo các công cụ kiểm tra chẩn đoán sàng lọc cho từng loại khuyết tật, biên soạn tài liệu hướng dẫn sử dụng của từng công cụ kiểm tra thì có thể khắc phục được sự khác biệt về công cụ kiểm tra và phương pháp đánh giá chẩn đoán thực hiện cho từng loại khuyết tật ở mỗi địa phương. Để đảm bảo chẩn đoán và đánh giá chính xác về dạng khuyết tật, ngoài chẩn đoán về mặt giáo dục còn đòi hỏi thêm thông tin và chẩn đoán y tế, nên rất cần thiết để thiết lập một hệ thống liên kết với các cơ sở y tế để phát hiện sớm trẻ có nguy cơ khuyết tật. Cần thiết lập một hệ thống quản lý hiệu quả đối với trẻ em khuyết tật ngay từ khi sinh ra để không bỏ lỡ thời kỳ vàng của trẻ để can thiệp cả về giáo dục và trị liệu. Để bố trí chẩn đoán sớm và can thiệp hiệu quả cho trẻ sơ sinh và trẻ khuyết tật nhỏ tuổi, việc thiết lập hệ thống đào tạo chuyên gia liên quan chẩn đoán đánh giá và chuẩn bị các tiêu chuẩn bố trí học tập trong đó đặt thứ tự ưu tiên cho giáo dục hòa nhập. Ngoài ra, ngay cả đối với các nhân lực được đào tạo chuyên môn về trẻ khuyết tật sơ sinh và nhỏ tuổi ở các trường đại học thì nhiều trường hợp vẫn không có đủ kiến thức chuyên môn về sàng lọc trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ khuyết tật, vì vậy cần liên tục tổ chức tập huấn về sàng lọc cho các nhân lực giáo dục trong lĩnh vực trẻ mầm non khuyết tật để giúp họ nâng cao kiến thức chuyên môn.

6.2. Phát triển các tiêu chuẩn và công cụ đánh giá chẩn đoán

Các đối tượng giáo dục đặc biệt được chẩn đoán đánh giá theo các tiêu chuẩn xác định và chẩn đoán, và để đáp ứng nhu cầu giáo dục cũng như có sự bố trí giáo dục phù hợp, cần có các tài liệu tiêu chuẩn khác nhau trong các khía cạnh về giáo dục, y tế, tâm lý v.v... Do đó, cần lựa chọn công cụ kiểm tra được tiêu chuẩn hóa có khả năng xác định và

chẩn đoán chính xác khuyết tật, và để thu thập các thông tin không thể đo được bằng công cụ kiểm tra, cần phải thu thập đa dạng các thông tin về học sinh từ phía gia đình hoặc nhà trường. Hiện tại chưa phát triển được nhiều công cụ kiểm tra đánh giá chẩn đoán cho trẻ mầm non và các lớp dưới ở cấp tiểu học và với các công cụ kiểm tra hiện tại khó có thể xác định được điểm mạnh và điểm yếu của học sinh rối loạn phát triển. Cần phải nắm bắt được một cách chi tiết về kết quả kiểm tra đối với lĩnh vực cần quan tâm của khuyết tật, về tình trạng phát triển hiện tại của trẻ, về khả năng thực hiện giáo dục, về chương trình giáo dục cần thiết cho trẻ. Trong bản tiêu chuẩn chẩn đoán, đánh giá cần trình bày trình tự của công việc chẩn đoán, đánh giá để người phụ trách có thể nắm bắt được trình tự công việc, đồng thời cần nêu rõ nội dung công việc và hướng dẫn thực hiện ở từng giai đoạn. Ngoài ra, phân rõ phạm vi kiểm tra của mỗi loại khuyết tật và công cụ kiểm tương ứng để đảm bảo tính khách quan của đánh giá chẩn đoán. Cần trình bày các ví dụ về cách lập báo cáo và lập bản thông báo kết quả chẩn đoán và đánh giá cho từng lĩnh vực khuyết tật, đồng thời cho phép người thực hiện có thể tham khảo nội dung cần đưa vào và phương pháp giải thích kết quả. Ngoài ra, cần phải có quy định cụ thể về thành phần và vai trò của hội đồng chẩn đoán đánh giá học sinh thuộc đối tượng giáo dục đặc biệt. Cần có công cụ chẩn đoán có thể đo lường mức độ của các kỹ năng học tập cơ bản để có thể xác định trẻ em có nhu cầu giáo dục đặc biệt do thiếu hụt học tập cơ bản và để cung cấp dữ liệu cơ bản quan trọng nhằm xác định kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ em ở độ tuổi đi học.

6.3. Thực chất hóa hoạt động của ban vận hành giáo dục đặc biệt và nhóm hỗ trợ giáo dục cá nhân hóa

Ban vận hành giáo dục đặc biệt cần đóng vai trò quan trọng như một cầu nối giữa cơ sở giáo dục và các cơ quan quản lý giáo dục, và phải trở thành một tổ chức pháp lý mà các thành viên cùng nhau thảo luận về việc vận hành trường học. Để thực hiện giáo dục đặc biệt có chất lượng cao, đòi hỏi phải có sự đồng hợp tác của giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các chuyên gia liên quan. Trong trường hợp này, đồng hợp tác có nghĩa là mỗi thành viên cùng hỗ trợ, tư vấn cho nhau, cùng nhau chia sẻ và nỗ lực vì trách nhiệm của mỗi thành viên, nhằm đạt được một mục tiêu cụ thể. Ban vận hành giáo dục đặc biệt phải cung cấp hỗ trợ thích hợp gồm hình thức giáo dục thiết kế phù hợp cho học sinh khuyết tật và các dịch vụ liên quan giáo dục đặc biệt, để cả học sinh và phụ huynh đều hài lòng. Nhóm chẩn đoán đánh giá (Ban chẩn đoán đánh giá) cần được thể chế hóa để có thể đưa ra ý kiến cuối cùng về việc xác định học sinh khuyết tật, về nội dung hỗ trợ giáo dục đặc biệt cho học sinh đó đồng thời cung cấp thông tin chẩn đoán đánh giá cần thiết dùng để lập kế hoạch giáo dục cá nhân cho học sinh.

Nhóm hỗ trợ giáo dục cá nhân hóa là một chế độ giáo dục đồng thời đóng vai trò là một tổ chức hành chính được thành lập trong trường học nhằm mục đích nâng cao hiệu quả của việc thực hiện và triển khai giáo dục cá nhân hóa phù hợp với đặc điểm của học sinh khuyết tật, tức là "lập kế hoạch giáo dục cá nhân (tức là tài liệu) và triển khai kế hoạch đó (tức là quy trình). Đó là một hệ thống giáo dục và một tổ chức hành chính." Khi thành lập nhóm hỗ trợ giáo dục cá nhân hóa trong trường chuyên biệt, cần thành lập một ủy ban bao gồm nhiều thành phần đa dạng gồm phía nhà trường có hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên quản lý, cùng với đội ngũ trực tiếp giảng dạy gồm giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn cùng với phía phụ huynh của học sinh. Ngoài ra, khi xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân, cần thu thập thông tin và dữ liệu đánh giá về học sinh khuyết tật, đồng thời bố trí nhân lực phụ trách trị liệu theo nhu cầu của học sinh. Các chức năng và vai trò của nhóm hỗ trợ giáo dục cá nhân hóa bao gồm đánh giá việc thiết lập và áp dụng kế hoạch giáo dục cá nhân, xây dựng kế hoạch chương trình giảng dạy cho nhà trường, toàn bộ nội dung liên quan đến hoạt động giáo dục hòa nhập của học sinh, tham vấn về việc xác định đối tượng giáo dục đặc biệt và bố trí học tập cho các em, vận hành bao quát công việc của các ủy ban trong trường chuyên biệt. Ngoài ra, nhóm này cần phải đóng vai trò biên soạn mẫu kế hoạch giáo dục cá nhân, lựa chọn yếu tố nội dung của kế hoạch giáo dục cá nhân, thực hiện và kiểm tra kế hoạch giáo dục cá nhân.

6.4. Đổi mới cơ sở giáo dục ở Việt Nam

Phòng học là không gian sinh hoạt quan trọng nhất mà học sinh dành phần lớn thời gian trong môi trường học đường. Phòng học cần được thiết kế để trở thành không gian sống an toàn, thoải mái nhất cho học sinh và tạo động lực học tập cho học sinh. Đặc biệt, cấu trúc không gian của phòng học tại trường chuyên biệt phải được tổ chức lại để giáo dục cá nhân hóa có thể được tiến hành một cách hiệu quả. Trong trường hợp một trường chuyên biệt đòi hỏi một môi trường vật lý tỉ mỉ và khác biệt hơn so với trường phổ thông, thì đó phải là một cơ sở vật chất phù hợp cho một trường chuyên biệt dựa theo đặc điểm của học sinh theo dạng khuyết tật. Khi coi trường học là nơi thực hiện chương trình giáo dục, cần có tiêu chuẩn cơ sở vật chất phù hợp với nhu cầu giáo dục đa dạng tương ứng với các dạng khuyết tật. Tiêu chuẩn về tài liệu và đồ dùng giảng dạy trong lớp học cần được chọn là tiêu chuẩn về cơ sở vật chất mà các phòng học bình thường, phòng học đặc biệt, phòng giáo dục nghề tại trường chuyên biệt và phòng học cho lớp đặc biệt tại trường hòa nhập và phải bố trí tài liệu, đồ dùng giảng dạy dựa theo tiêu chuẩn này tại các phòng học giáo dục đặc biệt. Để đảm bảo rằng các chi phí cần thiết cho việc vận hành trường chuyên biệt gồm phí mua cơ sở vật chất và thiết bị, tài liệu và đồ dùng dạy học được ưu tiên phân bổ, thanh toán trong 'chi phí vận hành trường học', cần thiết lập bản hướng dẫn tổ chức và thực hiện chi phí vận hành trường học và cần hỗ trợ ngân sách cho mục đích hỗ trợ trường chuyên biệt. Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục của trường học không chỉ là

nơi trẻ em ngồi học mà còn là phương tiện giáo dục, là một phần của chương trình giáo dục, và là nội dung giáo dục. Bất kể chương trình giáo dục có được thiết kế tốt như thế nào, thì nếu muốn đạt được mục tiêu giáo dục mà chương trình giáo dục hướng đến cần phải đảm bảo đáp ứng cơ sở vật chất và thiết bị phù hợp. Trường học cần cung cấp các tiện ích cho học sinh khuyết tật để các em không gặp bất tiện trong việc tiếp nhận giáo dục hay trong các hoạt động sinh hoạt hàng ngày, để các em có được một cuộc sống học đường bình đẳng với các học sinh không khuyết tật.

6.5. Đảm bảo khả năng tiếp cận của người khuyết tật Việt Nam

Do sự thiếu hụt nhận thức về tính cần thiết của các cơ sở vật chất tiện ích dành cho học sinh khuyết tật và sự thiếu hụt kiến thức về tiêu chuẩn lắp đặt các cơ sở vật chất tiện ích nên ngay cả tại các cơ sở giáo dục đặc biệt, tỷ lệ lắp đặt bố trí các cơ sở vật chất tiện tích cho học sinh khuyết tật vẫn khá thấp. Trong tương lai, khi xây dựng Luật nâng cao tính tiện ích, cần đề xuất đưa ra các nguyên tắc cơ bản sau đây. Trước tiên, cần mở rộng đối tượng lắp đặt cơ sở vật chất tiện ích bằng cách đảm bảo rằng tất cả các tòa nhà, đều phải lắp đặt cơ sở vật chất tiện ích ngoại trừ mục đích sử dụng cá nhân. Thứ hai, để đề phòng những trường hợp không tuân thủ quy định pháp luật, cần có điều khoản bắt buộc thực thi thông qua hình thức phạt hành chính. Thứ ba, cần thành lập quỹ bảo đảm lắp đặt cơ sở vật chất tiện ích, đồng thời đề ra phương thức để kết hợp vừa nghiên cứu vừa hỗ trợ lắp đặt bằng quỹ này. Thứ tư, việc lắp đặt cơ sở vật chất tiện ích phải được lắp đặt theo từng lĩnh vực, chẳng hạn như cơ sở vật chất trường học, cơ sở vật chất văn hóa và thể thao, do đó, cần có những nỗ lực hợp tác và mở rộng tích cực đối với các đơn vị thuộc các bộ ngành chính phủ đa dạng ở Việt Nam. Về lâu dài, về mặt chính sách và quản lý giáo dục đặc biệt ở Việt Nam, cần tạo điều kiền để các cơ sở giáo dục đặc biệt xây mới có đầy đủ cơ sở vật chất tiện ích để bảo đảm quyền đi lại, quyền tiếp cận và quyền giáo dục của học sinh khuyết tật.

6.6. Mô hình tiêu chuẩn phòng học đặc biệt và phát triển không gian giáo dục

Để phát triển một mô hình tiêu chuẩn Việt Nam về phòng học đặc biệt có thể hiện thực hóa triết lý giáo dục đặc biệt nhằm trở thành không gian học tập, trải nghiệm sáng tạo, không gian sinh hoạt đầy cảm xúc và chức năng cho học sinh khuyết tật, cần phải thiết lập phòng học năng động, phòng học hỗ trợ lấy sự tham gia của học sinh làm trung tâm và phòng học công nghệ thông tin. Mô hình tiêu chuẩn phải là một không gian tích hợp có thể nuôi dưỡng trí tưởng tượng và tư duy sáng tạo đa dạng, là không gian trường học có khu vực nghỉ ngơi để dành cho nghỉ ngơi và giao lưu, là không gian lấy người học làm trung tâm giúp học sinh có thể tham gia vào các thí nghiệm và hoạt động đa dạng, nhưng đồng thời cũng phải là phòng học được xây dựng như một không gian vui chơi. Ngoài ra, nó cũng phải là một lớp học có sự quan tâm tỉ mỉ đối với học sinh như sử dụng màu sắc và ánh sáng một cách hiệu quả để thúc đẩy sự ổn định cảm xúc của học sinh, và cũng

phải đảm bảo thực hiện được giáo dục truyền thụ thông tin phù hợp với trình độ và dạng khuyết tật của từng học sinh, tủ đồ và không gian học cá nhân phải đảm bảo tính tiện lợi, dễ sử dụng, và phải có không gian để giáo viên và học sinh thích đọc sách và nghỉ ngơi giải trí. Ngoài ra, cần phát triển một không gian có thể chia sẻ cảm xúc theo nhiều cách khác nhau bằng cách sử dụng bàn tròn cho các hoạt động nhóm và sử dụng nhiều màu sắc khác nhau, không gian mang lại bầu không khí ấm áp tổng thể bằng cách sử dụng vật liệu mềm mại. Vì vậy, khi cấu trúc môi trường lớp học cần xem xét đặc điểm khuyết tật, lứa tuổi, giai đoạn phát triển, sở thích… của học sinh để tạo ra môi trường phù hợp với nhu cầu của các em.

7. Các biện pháp nhằm củng cố và phát triển giáo dục đặc biệt ở Việt Nam

7.1. Thu hẹp sự chênh lệch trong giáo dục đặc biệt ở Việt Nam

Tại Việt Nam, so với thành phố, giáo dục đặc biệt ở vùng nông thôn và miền núi gặp nhiều khó khăn về mặt địa lý, thiếu thốn nhân lực, quy mô và cơ sở vật chất của các trường chuyên biệt còn nhiều khó khăn. Ngoài ra, ở nhiều vùng, hệ thống giao thông chưa thuận tiện, điều kiện sống khó khăn, cơ sở vật chất tương đối thiếu thốn, hay sự quan tâm của phụ huynh về giáo dục vẫn ở mức thấp gây nhiều khó khăn cho giáo viên, đồng thời có ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng giáo dục đặc biệt. Dù sống ở các thành phố lớn hay ở nông thôn, miền núi, tất cả học sinh khuyết tật đều cần được tiếp nhận sự giáo dục phù hợp và không bị phân biệt đối xử về cơ hội tiếp cận giáo dục mà phải được giáo dục một cách bình đẳng. Khi so sánh cuộc sống giữa thành thị và nông thôn, có thể thấy có sự khác biệt về chuyên môn của giáo viên, về điều kiện giáo dục, về chi phí giáo dục và về môi trường học tập xung quanh. Sự chênh lệch về giáo dục, hay bị sử dụng thay thế lẫn lộn với khái niệm bất cân bằng giáo dục hay bất bình đẳng giáo dục; nó có thể xảy ra ở nhiều cấp độ khác nhau như sự chênh lệch về cơ hội giáo dục, về chương trình giáo dục hay về kết quả giáo dục. Vì vậy, cần cung cấp giáo dục cho học sinh đảm bảo thực thi giáo dục một cách thực tế bằng cách đặt ra các câu hỏi: liệu tất cả học sinh có đang được được giáo dục bình đẳng hay không, có được tham gia giáo dục và đảm bảo có được kết quả phù hợp hay không. Cần thúc đẩy các chính sách phát triển vùng để phát triển cân đối giáo dục đặc biệt giữa các vùng, đồng thời thúc đẩy việc bố trí cân đối các cơ sở giáo dục và văn hóa giữa các vùng. Trong tương lai, cần tăng cường tính trách nhiệm và tính công bằng trong giáo dục công ở tất cả các vùng, và cần thiết lập một môi trường có thể thực hiện hóa cộng đồng giáo dục tôn trọng sự đa dạng.

7.2. Tăng cường và củng cố hoạt động của trung tâm hỗ trợ giáo dục đặc biệt tại các địa phương

Cần nghiên cứu phương án xây dựng trung tâm hỗ trợ giáo dục đặc biệt có thể đóng vai trò mở rộng hỗ trợ cho giáo dục đặc biệt lấy cộng đồng địa phương làm trung tâm, hỗ trợ các hoạt động dạy và học, cung cấp giáo dục lưu động, hỗ trợ các dịch vụ liên quan giáo dục đặc biệt, chẩn đoán đánh giá hiệu quả. Cần nâng cao chuyên môn cho các trung tâm hỗ trợ giáo dục đặc biệt bằng cách tăng cường nhân lực chuyên môn giáo dục đặc biệt tại mỗi tỉnh/thành phố, và mở rộng hình thức hỗ trợ có sự điều chỉnh phù hợp với học sinh khuyết tật bằng cách tăng cường hỗ trợ cho giáo dục đặc biệt lấy địa phương làm trung tâm. Tại trung tâm hỗ trợ giáo dục đặc biệt của địa phương, cần bố trí nhân lực hỗ trợ dịch vụ liên quan giáo dục đặc biệt nhằm chẩn đoán đánh giá, tư vấn, hỗ trợ trị liệu, cần thiết lập và vận dụng mạng lưới nhân lực liên kết với các cơ quan đoàn thể liên quan tại địa phương. Ngoài râ cần thành lập nhóm chẩn đoán đánh giá trong trung tâm hỗ trợ giáo dục đặc biệt tại địa phương, tăng cường hỗ trợ các dịch vụ liên quan như chẩn đoán đánh giá chuyên sâu, hỗ trợ trị liệu v.v.., đồng thời lập kế hoạch và triển khai nhiều chương trình đa dạng để hỗ trợ gia đình trẻ khuyết tật để nâng cao năng lực cho trẻ và gia đình. Tại Hàn Quốc, việc thành lập và vận hành của trung tâm hỗ trợ giáo dục đặc biệt được quy định như sau tại Khoản 2 và 3, điều 11, Chương 2 Luật giáo dục đặc biệt cho người khuyết tật. Nhiệm vụ của Trung tâm hỗ trợ giáo dục đặc biệt gồm: phát hiện sớm đối tượng giáo dục đặc biệt, chẩn đoán đánh giá và quản lý thông tin của đối tượng giáo dục đặc biệt, tập huấn về giáo dục đặc biệt, hỗ trợ các hoạt động giảng dạy và học tập, hỗ trợ các dịch vụ liên quan giáo dục đặc biệt, thực hiện giáo dục lưu động. Trung tâm hỗ trợ giáo dục đặc biệt được bố trí tại nơi mà người dân đặc biệt là đối tượng giáo dục đặc biệt có thể tiếp cận một cách thuận tiện, chẳng hạn như gần các cơ quan quản lý giáo dục cấp địa phương, các trường chuyên biệt, các trường tiểu học, THCS và THPT có chứa lớp đặc biệt hoặc các cơ quan hành chính nhà nước liên quan (bao gồm các trung tâm phúc lợi cho người khuyết tật). Để thiết lập hệ thống hợp tác giữa trung tâm hỗ trợ giáo dục đặc biệt và các cơ quan liên quan tại địa phương, cần tạo ra một mạng lưới giữa các cơ quan liên quan lĩnh vực y tế-giáo dục-chăm sóc trẻ -ngành nghề như bệnh viện, trung tâm y tế, tổ chức dạy nghề và các doanh nghiệp.

7.3. Sự cần thiết của chính sách có sự đảm bảo về ngân sách

Việt Nam trong tương lai cần mở rộng đầu tư tài chính nhằm tăng cường cơ hội giáo dục đặc biệt để tất cả học sinh đều được có cơ hội giáo dục bình đẳng, đồng thời cần phải cung cấp phúc lợi giáo dục thiết kế phù hợp với các đối tượng giáo dục đa dạng thông qua việc cải thiện môi trường giáo dục đặc biệt. Để đạt được điều này, cần thảo luận các biện pháp huy động nguồn lực tài chính, chú trọng đảm bảo ngân sách giáo dục ổn định trong lĩnh vực giáo dục đặc biệt bằng cách ước tính nhu cầu tài chính cho từng giai đoạn giáo dục và tổng hợp lại để đảm bảo tổng tài chính giáo dục. Tuy nhiên, một thực tế là quy mô đầu tư ngân sách cho giáo dục có thể thay đổi tùy theo tình hình tài chính của

quốc gia, về chính trị và kinh tế, có những bất ổn bị tác động từ áp lực bên ngoài về kinh tế, và trong lĩnh vực giáo dục đặc biệt thường có quy mô tài chính khá nhỏ, vì vậy cần ban hành Luật hỗ trợ tài chính giáo dục đặc biệt để đảm bảo được tài chính ổn định là một yếu tố cần ưu tiên thực hiện. Để cải thiện chất lượng và điều kiện giáo dục, cần có sự đầu tư liên tục cho giáo dục, đó là bởi nhu cầu cần bổ sung rất lớn gồm: cải thiện cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, giảm sĩ số học sinh mỗi lớp ở những lớp quá tải sĩ số. Thay vì đề xuất các biện pháp hỗ trợ học sinh khuyết tật chỉ dừng lại ở ý nghĩa mang tính tuyên bố, cần phải lập kế hoạch có thể thực hiện và phân bổ ngân sách tương ứng.

7.4. Củng cố giáo dục chuyển tiếp

Để học sinh khuyết tật có thể có một cuộc sống trưởng thành có giá trị và độc lập nhất có thể sau khi hoàn thành chương trình giáo dục ở trường, cần có các chương trình giáo dục và dịch vụ hỗ trợ đa dạng trong thời gian học tập ở nhà trường và trong giai đoạn thích nghi với cuộc sống trưởng thành. Đây là một nhiệm vụ rất quan trọng trong giáo dục đặc biệt vì qua đây có thể tìm được phương án giúp đạt được mục đích cuối cùng của giáo dục đặc biệt một cách hiệu quả hơn. Để học sinh khuyết tật có thể tham gia tích cực vào xã hội tương lai, tự thiết kế và thực hiện một cuộc sống hạnh phúc, việc hỗ trợ giáo dục định hướng tương lai và giáo dục nghề nghiệp một cách hệ thống là điều không thể thiếu. Khi xây dựng chương trình giảng dạy nhằm giúp học sinh thích ứng với sự thay đổi của môi trường việc làm, cần phải xem xét năng lực ngành nghề cơ bản nào là cần thiết và phân tích xem trong chương trình giáo dục nhà trường hiện tại đã được đưa vào ở mức nào. Trước tiên cần phải xem xét các chủ đề và các yếu tố cấu thành của những kiến thức, kỹ năng, thái độ, trải nghiệm cơ bản cần có để có thể thực hiện công việc trong hầu hết các ngành nghề. Và không chỉ những năng lực cần thiết để thực hiện công việc mà trong giáo dục đặc biệt Việt Nam cũng cần tập trung vào những năng lực cốt lõi cần thiết để sống, thích ứng với xã hội và hoàn thiện bản thân. Cần chuẩn bị hành trang cho học sinh khuyết tật để các em có thể tiếp nhận các chương trình giáo dục hiệu quả trong thời gian học tập ở nhà trường, và để các em sống tự lập nhất có thể khi trưởng thành. Ngoài ra, cần chuẩn bị một hệ thống ở cấp quốc gia cung cấp các dịch vụ hay chương trình huấn luyện thích ứng với cuộc sống trưởng thành để học sinh khuyết tật có thể hòa nhập xã hội sau khi tốt nghiệp. Nếu học sinh khuyết tật có thể giảm thiểu sự phụ thuộc và nhu cầu được bảo vệ khi các em bước ra xã hội sau khi tốt nghiệp thì không chỉ chất lượng cuộc sống được cải thiện mà xã hội cũng đóng vai trò giúp sẻ chia bớt một phần khó khăn của các gia đình khuyết tật, đồng thời cũng giúp tăng hiệu quả kinh tế, tiết kiệm chi phí chăm sóc người khuyết tật trong suốt cuộc đời của họ.

Do đó, khi phát triển chương trình giáo dục, cần cải tổ lại chương trình giáo dục đặc biệt theo quan điêm giáo dục chuyển tiếp, cần có sự nỗ lực về mặt giáo dục để tăng cường hơn nữa sự thích ứng với xã hội và nghề nghiệp của học sinh khuyết tật. Tại Hàn

Quốc, tại Điều 23 Luật giáo dục đặc biệt dành cho người khuyết tật ban hành năm 2007, người đứng đầu các trường từ cấp THCS trở lên được yêu cầu phải thực hiện các khóa đào tạo "phục hồi nghề nghiệp" (Vocational rehabilitation) gồm đánh giá nghề nghiệp, giáo dục nghề nghiệp, hỗ trợ việc làm và quản lý theo dõi v.v..và các khóa huấn luyện sống tự lập gồm huấn luyện thích ứng cuộc sống, huấn luyện thích ứng xã hội, nhằm cung cấp giáo dục định hướng tương lai phù hợp dựa theo đặc điểm và nhu cầu của học sinh khuyết tật. Tuy nhiên, tỷ lệ việc làm của học sinh khuyết tật sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông vẫn còn thấp, đặc biệt, tỷ lệ việc làm của người khuyết tật rối loạn phát triển là dưới 20% (tỷ lệ việc làm cho người rối loạn phổ tự kỷ chỉ là 1%), nói thêm, khó khăn tìm việc làm cho người khuyết tật rối loạn phát triển còn cao, hơn nữa ngành nghề chiếm tỷ lệ cao của người khuyết tật rối loạn phát triển là các ngành nghề lao động đơn giản. Tuy vậy vì có rất nhiều khó khăn trong việc duy trì công việc nên thời gian làm việc cũng khá ngắn.

Tại Hàn Quốc, mặc dù việc tuyển dụng người khuyết tật rối loạn phát triển sẽ dẫn đến năng suất thấp và chi phí tuyển dụng cao nhưng người khuyết tật đang được hỗ trợ về việc làm thông qua chế độ bắt buộc tuyển dụng người khuyết tật và chế độ miễn giảm thuế phí cho doanh nghiệp. Tuy nhiên vẫn có nhiều vấn đề tồn đọng cần giải quyết như: sự hợp tác và hỗ trợ của các tổ chức liên quan nhằm mang lại giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề hiệu quả, tính liên tục, tính liên kết của hỗ trợ, thực tập thực địa gắn với các doanh nghiệp, việc triển khai hướng nghiệp, dạy nghề cần xem xét dạng tật và mức độ của học sinh khuyết tật. Ngoài ra, cần phát triển và áp dụng mô hình kế hoạch chuyển tiếp để nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục thông qua việc xây dựng và áp dụng kế hoạch chuyển tiếp cá nhân hóa phù hợp với đặc điểm, nhu cầu và sở thích của học sinh khuyết tật. Cần phát triển giáo dục hướng nghiệp định hướng thực địa phù hợp với mức độ và dạng khuyết tật, tăng cường giáo dục nghề nghiệp thông qua việc xây dựng chương trình giáo dục nghề nghiệp định hướng thực địa và vận hành các trường thí điểm. Ngoài ra, dựa trên tiền đề giáo dục nghề nghiệp dựa trên mức độ khuyết tật, cần nghiên cứu hình thức giáo dục nghề định hướng hòa nhập dành cho đối tượng học sinh khuyết tật nhẹ, đồng thời nghiên cứu hình thức giáo dục nghề thông qua cơ sở phục hồi nghề nghiệp cho người khuyết tật dành cho đối tượng người khuyết tật nặng.

8. Kết luận

Giải pháp hàng đầu mang lại sự phát triển đột phá cho giáo dục và phúc lợi cho người khuyết tật chính là nâng cao nhận thức rằng vấn đề người khuyết tật không phải là vấn đề của cá nhân người khuyết tật mà là vấn đề của quốc gia và toàn xã hội. Để giải quyết vấn đề này, cần có sự chung sức của toàn xã hội. Trong khi sự quan tâm đến giáo dục và phúc lợi cho người tàn tật ngày càng tăng do số lượng người khuyết tật ngày càng tăng và tốc độ tăng trưởng kinh tế đáng kể, thì phương pháp phát triển quốc gia theo định hướng tăng

trưởng kinh tế đang làm trầm trọng thêm những khó khăn của các tầng lớp xã hội dễ bị tổn thương như người khuyết tật. Theo logic thị trường thực tế là tập trung vào phát triển kinh tế, người khuyết tật có giá trị sản xuất thấp gặp khó khăn trong việc tham gia thị trường lao động và cũng khó đảm bảo thu nhập một cách hợp lý. Vấn đề các gia đình người khuyết tật không có đủ chi phí sinh hoạt tối thiểu, thái độ xa lánh của người xung quanh và mức độ nhận thức hạn chế đang là những thách thức lớn đối với giáo dục và phúc lợi cho người khuyết tật. Để khắc phục điều này, cần tăng cường giáo dục và phúc lợi cho người tàn tật thông qua: bổ sung nhân viên y tế chuyên môn tâij các cơ sở y tế, hỗ trợ chi phí y tế cho người khuyết tật, thiết lập hệ thống phát hiện sớm người khuyết tật, xác lập hệ thống cung cấp dịch vụ y tế nhất quán. Ngoài ra, bằng cách đưa chương trình và nội dung giáo dục tiên tiến vào các cơ sở giáo dục đặc biệt, để thực hiện củng cố giáo dục hòa nhập, và nâng cao nhận thức về việc phải giáo dục cách ly học sinh khuyết tật với học sinh không khuyết tật cho một bộ phận người dân chưa nhận thức được. Để giải quyết tình trạng thiếu cơ hội học tập và cơ hội làm việc cho người khuyết tật, việc xóa bỏ định kiến và phân biệt đối xử trong xã hội là nhiệm vụ vô cùng quan trọng.

Tóm lại, người viết đề xuất một số vấn đề quan trọng cần giải quyết để mang lại sự phát triển cho giáo dục đặc biệt ở Việt Nam. Đó là: thiết lập hệ thống phát hiện và chẩn đoán sớm khuyết tật, mở rộng giáo dục bắt buộc miễn phí cho học sinh khuyết tật, mở rộng các đơn vị giáo dục đặc biệt, thiết lập hệ thống hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật lấy gia đình làm trung tâm, tăng cường đào tạo giáo viên đặc biệt, và nâng cao chất lượng các khóa học đào tạo giáo viên đặc biệt, bố trí và vận hành các cơ sở giáo dục đặc biệt tại các địa phương một cách đồng đều, mở rộng các dịch vụ liên quan giáo dục đặc biệt, giáo dục nhận thức về người khuyết tật để thực hiện hóa giáo dục hòa nhập, tăng cường giáo dục định hướng tương lai và giáo dục nghề nghiệp, tăng cường giáo dục học sinh đa tật mức độ nặng, tăng cường ngân sách giáo dục đặc biệt, tăng cường hệ thống hỗ trợ hành chính cho giáo dục đặc biệt, v.v. Những nhiệm vụ này của giáo dục đặc biệt có thể được thực hiện nhanh chóng nếu cơ sở pháp lý được củng cố hơn nữa và vai trò của Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo được tích cực tăng cường và mở rộng.

Tài liệu tham khảo

Kang Kyungsook, Kim Jinsook, Jeong Haejin, Hwang Yunhwan (2004). Phân tích xu hướng Quốc tế trong Chương trình giáo dục đặc biệt: Viện Giáo dục Đặc biệt Quốc gia

Go Byeok-jin (2004). Phân tích nhận thức của giáo viên và chuyên gia giáo dục về quy trình và vận hành của hệ thống đào tạo giáo viên tại chức. Luận án Tiến sĩ Hệ cao học Trường Đại học Keimyung.

Kim Jungmin (2018). Khám phá khái niệm và ý nghĩa giáo dục của hình thức đánh giá dựa trên quá trình. Nghien cứu giáo dục môn học lấy người học làm trung tâm, 18 (2), 839-859.

Bộ Giáo dục (2015). Chương trình giáo dục cơ bản Giáo dục đặc biệt. Văn bản ban hành của Bộ Giáo dục số 2015-81 [Phụ lục 3]. NXB Sejong.

Bộ Giáo dục (2015). Khung chương trình – Chương trình Giáo dục Đặc biệt sửa đổi năm 2015. NXB Sejong.

Bộ Giáo dục (2016). Hướng dẫn Chương trình Giáo dục Đặc biệt Sửa đổi năm 2015. NXB Sejong.

Bộ Giáo dục (2020). Năm 2020 Thống kê Giáo dục đặc biệt. NXB Sejong.

Bộ Giáo dục (2020). Kế hoạch vận hành Giáo dục đặc biệt. Phòng chính sách Giáo dục đặc biệt.

Bộ Giáo dục (2015). Phương án cải tiến hệ thống phát triển sách giáo khoa. NXB Sejong: Bộ giáo dục

Bộ Giáo dục (2017). Kế hoạch 5 năm Phát triển Giáo dục đặc biệt lần thứ 5. Sejong.

Viện Giáo dục Đặc biệt Quốc gia (2008). Phân tích xu hướng quốc tế về giáo dục đặc biệt.

Viện Giáo dục Đặc biệt Quốc gia (2008). Phát triển các văn bản hướng dẫn về sàng lọc và chẩn đoán đánh giá trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ khuyết tật I.

Viện Giáo dục Đặc biệt Quốc gia (2018). Nghiên cứu phương án hỗ trợ giáo dục cho học sinh đa tật mức độ nặng - Tập trung vào các định nghĩa khái niệm lấy hỗ trợ làm trung tâm -. NXB Chungnam: Tác giả.

Viện Giáo dục Đặc biệt Quốc gia (2015). Tài liệu phân tích Chương trình giáo dục đặc biệt năm 2015 (1). NXB Chungnam.